

Số: /BC-BDT

Quảng Trị, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia đối với Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Thực hiện công văn số 2227/UBND-TH ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về việc khẩn trương chuẩn bị các Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thường lệ HĐND tỉnh khóa VIII.

Ban Dân tộc xây dựng 02 dự thảo: dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ban Dân tộc đã gửi các dự thảo trên đến các cơ quan, đơn vị liên quan lấy ý kiến tham gia. Qua đó, Ban Dân tộc nhận được văn bản tham gia của **15 đơn vị**. Trong đó có **12 đơn vị** đồng ý với nội dung dự thảo và **03 đơn vị** có tham gia đóng góp ý kiến.

Ban Dân tộc tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến tham gia của các đơn vị có tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện các Dự thảo.

(Có bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý Dự thảo kèm theo).

Ban Dân tộc kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (thẩm định);
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trương Chí Hiếu

BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày tháng 6 năm 2023)

| STT | Cơ quan, đơn vị góp ý | Nội dung góp ý | Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--|---|---------|
| 1 | Sở Tư pháp | <p>1. Về thẩm quyền: Phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.</p> <p>Đề nghị nêu rõ hơn căn cứ, sự cần thiết phải sửa đổi bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p> | Ban Dân tộc đã tiếp thu, bổ sung | |
| | | <p>2. Về nội dung:</p> <p>a) Tại dự thảo Nghị quyết quy định chỉ sửa đổi, bổ sung khoản 2. Phân bổ vốn sự nghiệp. Tuy nhiên, nội dung sửa đổi, bổ sung lại bao gồm khoản 1 là không phù hợp.</p> <p>b) Đề nghị nghiên cứu để quy định điểm a, điểm b khoản 2. Phân bổ vốn sự nghiệp cho phù hợp. (Tại dự thảo quy định phân bổ vốn tối đa cho các Sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương nhưng không quy định phương pháp tính điểm theo tiêu chí).</p> | Ban Dân tộc đã tiếp thu, chỉnh sửa | |
| | | <p>3. Về kỹ thuật trình bày văn bản:</p> <p>a) Về cơ bản, nội dung sửa đổi, bổ sung tại tiểu dự án 1, dự án</p> | | |

| | | | | |
|---|--------------|---|------------------------------------|--|
| | | <p>3 chiếm phần lớn nội dung, do đó để dễ dàng khi tra cứu, tổ chức thực hiện, phù hợp với quy định hiện hành, đề nghị trình bày lại nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 như sau:</p> <p>“Sửa đổi, bổ sung Mục I. Tiêu dự án 1. Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân, như sau:</p> <p>“I. Tiêu dự án 1. Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</p> <p>1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.</p> <p>2. Phân bổ vốn sự nghiệp: ...”</p> <p>b) Tại phần nơi nhận: Hiện nay Trung tâm tin học tỉnh đã được sắp xếp lại theo Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Công Thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm tin học tỉnh, do đó đề nghị nghiên cứu để quy định nơi nhận văn bản phù hợp.</p> | Ban Dân tộc đã tiếp thu, chỉnh sửa | |
| 2 | Sở Tài chính | <p>* Dự thảo Tờ trình</p> <p>- Tại mục I. Sự cần thiết đề nghị chỉnh sửa theo hướng:</p> <p>Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ¹; ngày 31/5/2022, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết 22/2022/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết ban hành là căn cứ pháp lý để tính điểm các tiêu</p> | | |

¹ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

| | | | |
|--|---|------------------------------------|--|
| | <p>chí, phục vụ phân bổ kinh phí Chương trình cho các đơn vị, địa phương.</p> <p>Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện, phát sinh nhu cầu kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu thuộc tiểu dự án 1, Dự án 3; nội dung này được Bộ Tài chính quy định tại khoản 3, Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022²: “<i>Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ của chủ rừng và không trùng với các chương trình, dự án khác, được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3</i>”.</p> <p>Liên quan đến tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của một số địa phương, ngày 29/3/2023, Bộ Tài chính có văn bản số 2807/BTC-HCSN trả lời tỉnh Tuyên Quang: <i>Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3việc phân bổ kinh phí để thực hiện các Tiểu dự án của Dự án 3 Chương trình thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.</i></p> <p>Từ thực tiễn trên, để có căn cứ phân bổ kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu thuộc Tiểu DA 1, DA 3; việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 5, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ: “<i>Căn cứ nguyên</i></p> | Ban Dân tộc đã tiếp thu, chỉnh sửa | |
|--|---|------------------------------------|--|

² về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

| | | | | |
|---|------------------------------|--|------------------------------------|--|
| | | <p><i>tắc, ..., đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, ...trình HĐND cấp tỉnh quyết định”.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, mục II. Mục đích đề nghị sửa lại: Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết là căn cứ pháp lý để thực hiện phân bổ kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu thuộc Tiêu dự án 1, Dự án 3 của Chương trình. - Khoản 2, mục III dự thảo, đề nghị chỉ nêu tên gọi của Điều 1, Điều 2; phần nội dung chi tiết trình bày ở dự thảo Nghị quyết. | | |
| | | <p>* Dự thảo Nghị quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 1 dự thảo đề nghị sửa lại như sau: <p>2. Phân bổ vốn sự nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phân bổ vốn tối đa cho các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương: 100% tổng số vốn của Tiêu dự án. b) Thống nhất như dự thảo. c) Đối với kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ của chủ rừng và không trùng với các chương trình, dự án khác, được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiêu Dự án 1, Dự án 3. | Ban Dân tộc đã tiếp thu, chỉnh sửa | |
| 3 | Sở Nông nghiệp và Phát triển | <p>1. Đối với Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung các căn cứ ở phần I: Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị | | |

| | | | | |
|--|-----------|--|---------------------------------------|--|
| | nông thôn | <p>quyết</p> <p>+ Văn bản số 2807/BTC-HCSN của Bộ Tài chính trả lời tỉnh Tuyên Quang: Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 ...việc phân bổ kinh phí để thực hiện các Tiểu dự án của Dự án 3 Chương trình thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.</p> <p>+ Điểm a, khoản 5, điều 7, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ có quy định: “ Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”. Do vậy để có căn cứ phân bổ kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu thuộc Tiểu DA 1, DA 3; việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> | Ban Dân tộc đã tiếp thu, chỉnh sửa | |
| | | <p>2. Đối với dự thảo Nghị quyết</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa lại Điều 1 như sau:</p> <p>Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:</p> <p>Sửa đổi, bổ sung mục I, Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập</p> | Ban Dân tộc đã tiếp thu và điều chỉnh | |

cho người dân, như sau:

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn tối đa cho các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương: 100% tổng số vốn của Tiểu dự án. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Đối với kinh phí hỗ trợ các nội dung quy định tại Điều 9

Thông tư 15/2022/TT-BTC:

| TT | Nội dung tiêu chí | Số điểm | Số lượng | Tổng số điểm |
|-------------------------------------|---|---------|----------|--------------|
| 1 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (*) | 0,004 | a | 0,004 x a |
| 2 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình | 0,004 | b | 0,004 x b |
| 3 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung | 0,016 | c | 0,016 x c |
| 4 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ | 0,1 | d | 0,1 x d |
| 5 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ | 0,3 | đ | 0,3 x đ |
| 6 | Mỗi tán gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ | 0,12 | e | 0,12 x e |
| Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6) | | | | |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | <p>Số lượng (a,b,c,d,đ: là đơn vị diện tích, căn cứ vào thực trạng của các địa phương; e: là đơn vị tấn, được tính toán trên cơ sở quy định hỗ trợ 15kg gạo/nhân khẩu/tháng đối với các hộ tham gia chuyển đổi đất nương rẫy sang trồng rừng sản xuất, lâm sản ngoài gỗ hoặc trồng rừng phòng hộ theo quy tại Nghị định <u>75/2015/NĐ-CP</u> ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh và bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020).</p> <p>(*) Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: diện tích rừng Nhà nước giao cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý.</p> <p>- Đối với kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ của chủ rừng giai đoạn 2022-2025 và không trùng với các chương trình, dự án khác, được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3.</p> | | |
|--|--|--|--|--|